HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2026/NQ-HĐND	*Cao Bằng, ngày 24 tháng 6 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh Trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Xét Tờ trình số 1812/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh Trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra số 219/BC-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh Trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định mức học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh Trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Cao Bằng.

2. Các nội dung chưa quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Học sinh Trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Cao Bằng đáp ứng đủ điều kiện xét, cấp học bổng khuyến khích học tập theo quy định của pháp luật.

2. Trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Cao Bằng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Học bổng khuyến khích học tập

1. Mức học bổng khuyến khích học tập hằng tháng được xác định bằng số lần nhân với mức học phí hiện hành đối với học sinh Trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Cao Bằng. Cụ thể được quy định thành 06 mức như sau:

a) Mức 1 bằng 13,0 lần mức học phí hiện hành: Áp dụng đối với học sinh đạt giải từ khuyến khích trở lên trong kỳ thi cấp quốc tế hoặc khu vực quốc tế của năm học đó do Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định chọn cử.

b) Mức 2 bằng 11,0 lần mức học phí hiện hành: Áp dụng đối với học sinh đạt giải Nhất trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp tổ chức.

c) Mức 3 bằng 9,0 lần mức học phí hiện hành: Áp dụng đối với học sinh đạt giải Nhì trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp tổ chức.

d) Mức 4 bằng 7,0 lần mức học phí hiện hành: Áp dụng đối với học sinh đạt giải Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp tổ chức.

đ) Mức 5 bằng 5,0 lần mức học phí hiện hành: Áp dụng đối với học sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp tổ chức.

e) Mức 6 bằng 3,0 lần mức học phí hiện hành: Áp dụng đối với học sinh có kết quả rèn luyện và kết quả học tập đạt mức cao nhất trong các mức đánh giá kết quả rèn luyện, kết quả học tập của học sinh trung học phổ thông thuộc kỳ xét, cấp học bổng và có điểm trung bình môn chuyên của học kỳ xét, cấp học bổng từ 8,5 trở lên.

2. Thời gian hưởng học bổng

a) Học sinh thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này được cấp học bổng 9 tháng/năm học.

b) Học sinh thuộc đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều này được cấp học bổng 4,5 tháng của học kỳ xét, cấp học bổng.

3. Trường hợp một học sinh là đối tượng được hưởng nhiều mức học bổng trong cùng một kỳ xét, cấp học bổng thì chỉ được cấp một mức học bổng cao nhất.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ học bổng khuyến khích học tập do ngân sách nhà nước đảm bảo trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 04 tháng 7 năm 2026 và được áp dụng từ năm học 2026 - 2027.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVIII, Kỳ họp thứ 04 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm thông tin - Hội nghị, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Phan Thăng An